

Số: 05 /NQ-HĐND

Tri Tôn, ngày 17 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn là **40.935** triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách trung ương: 37.214 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 3.721 triệu đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 3.721 triệu đồng.

+ Đối với nguồn vốn ngân sách huyện đối ứng thực hiện chương trình, Ủy ban nhân dân huyện bố trí, cân đối trong kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư công hằng năm để thực hiện nội dung thuộc chương trình mục tiêu quốc gia...

2. Danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

(Danh mục chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định phê duyệt danh mục chi tiết công trình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tri Tôn.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn khóa XII, kỳ họp thứ 7 (chuyên đề) thông qua ngày 17 tháng 3 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh,
- UBND tỉnh;
- Sở Lao động-TB&XH;
- Sở Kế hoạch- Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, D.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thị Phương Lan**



PHỤ LỤC

DANH MỤC CHI TIẾT CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
 QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRI TÔN
 (Đính kèm Nghị quyết số 05 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tri Tôn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023			Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (NSTW+NST)	Trong đó:		Ngân sách huyện	Trong đó:			Trong đó:				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Tổng số (NSTW+NST)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng số (NSTW+NST)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.																
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - Xã hội				158.604	151.051	137.319	13.732	7.553	58.885	53.531	5.354	40.935	37.214	3.721		
1	Bê tông xi măng đường liên xã, xã Lạc Quới - xã Vĩnh Phước	xã Lạc Quới - xã Vĩnh Phước	2.300	2022-2024	14.096	13.424	12.204	1.220	672	4.500	4.091	409	2.447	2.225	222	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện.	
2	Nâng cấp hạ tầng đường giao thông liên xã, xã Lạc Quới - xã Lê Trì	xã Lạc Quới - xã Lê Trì	1.920	2022-2024	5.925	5.643	5.130	513	282	2.178	1.980	198	3.067	2.788	279	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
3	Bê tông xi măng đường liên xã, xã Vĩnh Phước - xã Lương Phi	xã Vĩnh Phước - xã Lương Phi	4.400	2022-2024	25.189	23.989	21.808	2.181	1.200	9.405	8.550	855	2.883	2.621	262	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
4	Bê tông xi măng đường liên xã, xã An Túc - xã Lương Phi	xã An Túc - xã Lương Phi	5.200	2022-2024	25.165	23.967	21.788	2.179	1.198	9.232	8.393	839	2.708	2.462	246	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
5	Nâng cấp đường liên xã, xã Núi Tô - xã An Túc	xã Núi Tô - xã An Túc	2.700	2022-2024	14.033	13.365	12.150	1.215	668	7.267	6.606	661	1.098	998	100	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
6	Bê tông xi măng đường liên xã, thị trấn Ba Chúc - xã Lê Trì (Đoạn Sóc Túc)	Thị trấn Ba Chúc - xã Lê Trì	2.300	2022-2024	13.090	12.467	11.334	1.133	623	4.762	4.329	433	2.705	2.459	246	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
7	Nâng cấp đường liên xã Tây Kênh 13 thị trấn Cô Tô - xã Núi Tô	Thị trấn Cô Tô - xã Núi Tô	3.300	2022-2024	8.865	8.443	7.675	768	422	2.972	2.702	270	2.471	2.246	225	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
8	Nâng cấp đường giao thông, cơ sở hạ tầng liên xã, xã Ô Lâm - thị trấn Cô Tô	xã Ô Lâm - thị trấn Cô Tô	1.000	2022-2024	2.703	2.574	2.340	234	129	1.089	990	99	437	397	40	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
9	Nâng cấp đường liên xã, xã Lương An Trà - xã Vĩnh Phước	xã Lương An Trà - xã Vĩnh Phước	6.000	2022-2024	10.973	10.450	9.500	950	523	3.135	2.850	285	2.315	2.105	210	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
10	Nâng cấp đường liên xã bờ Tây kênh 10 xã Tân Tuyến - Thị trấn Cô Tô	xã Tân Tuyến - Thị trấn Cô Tô	2.300	2022-2024	5.717	5.445	4.950	495	272	1.920	1.745	175	3.394	3.086	308	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
11	Nâng cấp đường liên xã, xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn	xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn	2.120	2022-2024	9.356	8.910	8.100	810	446	5.473	4.975	498	2.960	2.691	269	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
12	Nâng cấp, mở rộng đường nhánh liên xã, xã Châu Lăng - xã Lương Phi	xã Châu Lăng - xã Lương Phi	2.600	2022-2024	4.366	4.158	3.780	378	208	1.547	1.406	141	2.600	2.364	236	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
13	Nâng cấp bê tông xi măng đường liên xã, xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn - xã Núi Tô	xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn - xã Núi Tô	2.000	2022-2024	10.395	9.900	9.000	900	495	3.663	3.330	333	5.276	4.796	480	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
14	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Kênh 11 xã Tà Đảnh - xã Tân Tuyến	xã Tà Đảnh - xã Tân Tuyến	2.200	2022-2024	5.509	5.247	4.770	477	262	661	601	60	4.586	4.169	417	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	
15	Nâng cấp đường giao thông liên xã, xã Châu Lăng - xã Lương Phi	xã Châu Lăng - xã Lương Phi	1.300	2022-2024	3.222	3.069	2.790	279	153	1.081	983	98	1.988	1.807	181	Ban Quản lý DA ĐTXD khu vực huyện	